

Số: 04/2025/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày ngày 17 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số 33/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L2

Trụ sở: LPBank Tower, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch HĐQT;

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Trịnh Thanh T1, bà Vũ Khánh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; ông Lưu Xuân T2, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: xóm D, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1984; bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1989; Nguyễn Khánh D, sinh năm 2012; Nguyễn Duy N1, sinh năm 2015; Nguyễn Bảo N2, sinh năm 2017; (người giám hộ cho cháu D, cháu N1, cháu N2 là ông L1, bà Y)

Cùng địa chỉ: xóm B, xã V, tỉnh Thái Nguyên

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Xuân T2 nhất trí thanh toán cho Ngân hàng TMCP L2 số tiền theo Hợp đồng tín dụng số HDTD46B2023646, ngày 09/12/2023 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính

đến ngày 17/8/2025 là 1.100.692.024 đồng (*một tỷ, một trăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó: nợ gốc 900.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 80.336.685 đồng; nợ lãi chậm trả gốc 112.405.539 đồng; nợ lãi chậm trả lãi 7.949.800 đồng.

Kể từ ngày 18/8/2025, thì ông Lưu Xuân T2 và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Xuân T2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP L2 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 44; địa chỉ: xã V, huyện Đ nay là xã V, tỉnh Thái Nguyên; diện tích: 218,2m² (*hai trăm mười tám phẩy hai mét vuông*); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 078039, số vào sổ cấp GCN CS01137 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/12/2018, đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L1 và bà Đỗ Thị Y.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Xuân T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP L2.

2. Về chi phí tổ tụng: Bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Xuân T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP L2 số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) tiền chi phí thẩm định, đo đạc đất.

3. Về án phí: Bà N và ông T2 tự nguyện chịu 22.510.380 đồng (*hai mươi hai triệu, năm trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP L2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền 21.180.000 đồng (*hai mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005921, ngày 03/6/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Thái Nguyên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 3 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Mừng